

DANH SÁCH XẾP HẠNG VÒNG 8

STT	Tên đăng nhập	Họ tên	Tên Lớp	Số câu đúng	Số câu sai	Tổng số giây suy	Thứ hạng	Số trận tham dự
1	ntt12-0468	Hoàng Hương Giang	4a3	48	2	1097	6	1
2	ntt12-0423	Nguyễn Minh Huy	4a2	45	2	1155	35	1
3	ntt12-0474	Nguyễn Nam Khánh	4a3	38	12	1170	131	1
4	ntt12-0446	Nguyễn Khắc Nam Phong	4a2	36	6	1188	167	1
5	ntt12-0576	Vũ Ngọc Anh Thư	4a5	33	3	1188	237	1
6	ntt12-0622	Nguyễn Kim Thư	4a6	32	10	1136	246	1
7	ntt12-0458	Nguyễn Minh Anh	4a3	31	13	1163	291	1
8	ntt12-0616	Nguyễn Bình Nguyên	4a6	30	20	1034	313	1
9	ntt12-0409	Nguyễn Lê Kỳ Anh	4a2	30	4	1150	318	1
10	ntt12-0571	Nguyễn Mạnh Quân	4a5	30	7	1152	320	1
11	ntt12-0531	Vũ Dũng Trí Tâm	4a4	29	6	1190	380	1
12	ntt12-0602	Lại Bảo Khoa	4a6	29	10	1190	381	1
13	ntt12-0603	Nguyễn Minh Khuê	4a6	28	5	1151	395	1
14	ntt12-0592	Đàm Gia Bảo	4a6	26	24	1077	457	1
15	ntt12-0444	Nguyễn Lưu Tuệ Như	4a2	26	19	1176	494	1
16	ntt12-0452	Ngô Phúc Thành	4a2	26	4	1181	500	1
17	ntt12-0438	Phạm Bảo Ngọc	4a2	25	11	1057	520	1
18	ntt12-0451	Lê Đỗ Minh Sơn	4a2	25	0	1123	526	1
19	ntt12-0518	Nguyễn Phú Lâm	4a4	24	26	1156	599	1
20	ntt12-0606	Phùng Đình Khánh Lâm	4a6	24	17	1192	629	1
21	ntt12-0526	Nguyễn Minh Ngọc	4a4	23	27	1076	640	1
22	ntt12-0578	Vũ Tú Uyên	4a5	23	27	1122	648	1
23	ntt12-0426	Bùi Phương Linh	4a2	23	8	1167	678	1
24	ntt12-0489	Trần Lâm Tâm Như	4a3	22	2	1111	724	1
25	ntt12-0599	Trịnh Minh Hiếu	4a6	22	28	1116	726	1
26	ntt12-0545	Hà Như Bảo Châu	4a5	22	18	1169	755	1
27	ntt12-0611	Trương Bảo Minh	4a6	22	16	1178	767	1
28	ntt12-0559	Lê Duy Minh	4a5	22	25	1185	783	1

29	ntt12-0529	Lê Minh Quân	4a4	21	4	1067	801	1
30	ntt12-0497	Nguyễn Phan Bảo Yến	4a3	21	14	1132	816	1
31	ntt12-0620	Đỗ Hữu Thịnh	4a6	21	18	1152	825	1
32	ntt12-0439	Lâm Trí Nguyên	4a2	21	20	1169	849	1
33	ntt12-0618	Khuất Tuấn Phong	4a6	21	15	1190	880	1
34	ntt12-0591	Nguyễn Tuấn Bách	4a6	19	6	907	976	1
35	ntt12-0562	Nguyễn Nguyên Nhật	4a5	19	9	1171	1031	1
36	ntt12-0572	Trần Khánh Quỳnh	4a5	19	24	1180	1039	1
37	ntt12-0473	Dương Nam Khánh	4a3	18	32	1099	1081	1
38	ntt12-0449	Nguyễn Văn Minh Quân	4a2	18	4	1110	1085	1
39	ntt12-0427	Nguyễn Diệu Linh	4a2	18	16	1168	1118	1
40	ntt12-0450	Nguyễn Thục Quyên	4a2	17	2	1071	1171	1
41	ntt12-0506	Tô Khánh Chi	4a4	17	33	1123	1186	1
42	ntt12-0487	Vũ Bảo Ngân	4a3	17	8	1161	1203	1
43	ntt12-0621	Nguyễn Anh Thư	4a6	17	18	1167	1209	1
44	ntt12-0467	Đoàn Xuân Giang	4a3	17	18	1177	1220	1
45	ntt12-0588	Trần Phương Anh	4a6	16	34	756	1236	1
46	ntt12-0535	Trịnh Bảo Vân	4a4	16	34	937	1239	1
47	ntt12-0418	Phó Thị Ngọc Hà	4a2	16	23	1108	1252	1
48	ntt12-0516	Lê Anh Khoa	4a4	16	32	1148	1260	1
49	ntt12-0608	Bùi Công Nhật Minh	4a6	16	12	1165	1268	1
50	ntt12-0573	Ứng Diễm Như Quỳnh	4a5	16	30	1169	1275	1
51	ntt12-0494	Nguyễn Hoàng Bảo Trang	4a3	16	24	1172	1278	1
52	ntt12-0601	Lê Minh Khang	4a6	15	9	1102	1317	1
53	ntt12-0434	Phạm Đình Bình Minh	4a2	15	10	1165	1337	1
54	ntt12-0437	Vũ Minh Nghĩa	4a2	14	36	980	1374	1
55	ntt12-0617	Nguyễn Minh Nhật	4a6	14	20	1181	1408	1
56	ntt12-0513	Vương Đình Gia Huy	4a4	13	8	1163	1456	1
57	ntt12-0595	Bùi Mai Thùy Dương	4a6	13	37	1169	1459	1
58	ntt12-0605	Lương Đức Lâm	4a6	12	9	1120	1488	1
59	ntt12-0596	Chu Minh Đức	4a6	12	36	1150	1492	1
60	ntt12_1011	Đặng Nhật Hà	4a5	12	26	1179	1499	1

61	ntt12-0464	Phùng Thị Lan Chi	4a3	12	6	1181	1501	1
62	ntt12-0412	Vũ Đức Anh	4a2	12	37	1186	1505	1
63	ntt12-0477	Nguyễn Đăng Khoa	4a3	11	10	1174	1531	1
64	ntt12-0501	Nguyễn Phương Anh	4a4	10	40	670	1545	1
65	ntt12-0590	Vũ Hoàng Nhật Anh	4a6	10	5	1166	1557	1
66	ntt12-0598	Trần Bảo Hân	4a6	10	1	1182	1562	1
67	ntt12-0476	Trịnh Phúc Khánh	4a3	8	42	780	1590	1
68	ntt12-0584	Đỗ Hà Anh	4a6	7	43	496	1603	1
69	ntt12-0491	Trần Tĩnh Phương	4a3	5	45	351	1631	1
70	ntt12-0554	Nguyễn Gia Linh	4a5	3	2	1177	1665	1